



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

HINO FL8JT8A-XHV
FL8JW8A-XHV

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	ĐVT / UNIT	FL8JT8A	FL8JT8A	FL8JW8A	FL8JW8A
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		HINO FL8JT8A-XHV -QA.BOF2S (F1S)	HINO FL8JT8A-XHV -QA.BOF1S1 (F2S1)	HINO FL8JW8A-XHV -QA.BOF2S (F1S)	HINO FL8JW8A-XHV -QA.BO1
Công thức bánh xe / Wheel formular		6 x 2	6 x 2	6 x 2	6 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	10000 x 2500 x 3930	10000 x 2500 x 3930	11530 x 2500 x 3920	11530 x 2500 x 3920
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	7800 x 2500 x 2650	7800 x 2500 x 2650	9350 x 2500 x 2650	9350 x 2500 x 2650
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	7550 x 2320 x 2410	7550 x 2320 x 2410	9100 x 2320 x 2410	9100 x 2320 x 2410
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	4930 + 1350	4930 + 1350	5830 + 1350	5830 + 1350
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	2060 / 1855	2060 / 1855	2060 / 1855	2060 / 1855
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	1280 / 2440	1280 / 2440	1280 / 3070	1280 / 3070
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	2490	2490	2490	2490
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	9555	10005	10105	10405
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	14250	13800	13700	13400
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	24000	24000	24000	24000
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)		11R22.5	11R22.5	11R22.5	11R22.5
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)		11R22.5	11R22.5	11R22.5	11R22.5
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V		Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình
Máy phát Alternator		24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit	-	-	-	-	-
Trang bị khác Other equipment	-	Máy Oxy (RT145-2 + ZLE-65WA) Roots blower systems	-	Máy Oxy (RT90-M + ZLE-65WA) Roots blower systems	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL

Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor > 10T	Sàn sóng / corrugated > 10T
Panel sàn Floor panel	135	140
Panel vách trước Front panel	109	109
Panel vách hông Two side wall panels	79	79
Panel nóc Roof panel	103	103
Panel cửa sau Rear door panels	79	79

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* Fax: (0272) 3769 023

* Phòng kinh doanh:

Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444

Email: kd01@quyenauto.com

* Tư vấn kỹ thuật:

Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317

Email: technical@quyenauto.com